

BẢN SAO

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 30

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, tiền thân là Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 426 - QĐ/UB ngày 11/3/1993 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Công ty được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) theo Quyết định số 06/2004/QĐ - BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 09/01/2004.

Theo Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam, Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam từ ngày 16/01/2004.

Theo Quyết định số 2464/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV.

Theo Quyết định số 3126/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin. Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH MTV, đăng ký lần đầu số 5700479764 ngày 30/6/2010. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/07/2012.

2. Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch Công ty và các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Hữu Hà	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Ngô Hồng Sơn	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Tiền	(i) Phó Giám đốc

(i) Ông Nguyễn Văn Tiền được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 17/04/2013 theo Quyết định số 185-QĐ/TCNS ngày 17/04/2013 của Chủ tịch Công ty.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa các loại tàu thuyền và cung cấp các sản phẩm cơ khí. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

CHỮ
SỐ
VGA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh, doanh tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 18.569.354.061 đồng, vốn chủ sở hữu và các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013 chỉ đủ tài trợ 87,51% tài sản dài hạn của Công ty. Đồng thời hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 15,10 lần. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty đạt 8.841.421.760 đồng là do trong năm Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cấp bù lương với số tiền 18.349.000.000 đồng.

Công ty là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên Công ty tiếp tục sẽ nhận được sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Số: 524/2014/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013
 của Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu - Vinacomin

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
 Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu - Vinacomin được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 30 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Cơ khí đóng tàu- Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Không phù nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như đã nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Ghi chú 7.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 18.569.354.061 đồng, vốn chủ sở hữu và các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013 chỉ đủ tài trợ 87,51% tài sản dài hạn của Công ty. Đồng thời hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 15,10 lần. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty đạt 8.841.421.760 đồng là do trong năm Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cấp bù lương với số tiền 18.349.000.000 đồng.

Công ty là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên Công ty tiếp tục sẽ nhận được sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục..

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0576-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2013-009-1

17
11
12
13
14
15
16
17

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		292.884.853.000	173.487.027.463
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	1.035.102.469	1.141.486.122
Tiền	111		1.035.102.469	1.141.486.122
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.552.664.437	90.006.281.130
Phải thu khách hàng	131		163.121.491.706	88.561.707.305
Trả trước cho người bán	132		701.334.821	1.253.934.821
Các khoản phải thu khác	135	5.2	3.729.837.910	190.639.004
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.3	123.960.681.875	80.965.361.811
Hàng tồn kho	141		124.189.792.439	81.277.335.108
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(229.110.564)	(311.973.297)
Tài sản ngắn hạn khác	150		336.404.219	1.373.898.400
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.373.898.400
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	204.304.219	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		132.100.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.087.883.372	311.909.037.642
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		3.813.514.752	3.813.514.752
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.813.514.752)	(3.813.514.752)
Tài sản cố định	220		298.861.717.645	311.909.037.642
TSCĐ hữu hình	221	5.5	143.586.512.541	167.134.710.384
- Nguyên giá	222		349.433.442.094	351.478.060.407
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(205.846.929.553)	(184.343.350.023)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	155.275.205.104	144.774.327.258
Tài sản dài hạn khác	260		226.165.727	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		226.165.727	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		591.972.736.372	485.396.065.105

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		555.197.166.779	457.168.979.740
Nợ ngắn hạn	310		329.466.799.826	218.187.715.340
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	66.019.535.059	16.592.897.522
Phải trả người bán	312		242.115.556.932	135.185.455.659
Người mua trả tiền trước	313		26.653.988	54.204.416.452
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	420.113.522	29.777.877
Phải trả người lao động	315		2.629.304.433	1.155.348.940
Chi phí phải trả	316	5.9	13.039.912.951	5.450.224.049
Phải trả nội bộ	317		14.304.700	14.304.700
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	4.013.877.426	4.151.749.326
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.187.540.815	1.403.540.815
Nợ dài hạn	320		225.730.366.953	238.981.264.400
Vay và nợ dài hạn	334	5.10	224.945.086.954	238.981.264.400
Doanh thu chưa thực hiện	338		785.279.999	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		36.775.569.593	28.227.085.365
Vốn chủ sở hữu	410	5.11	35.135.428.305	26.294.006.545
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.000.000.000	53.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		78.819.053	78.819.053
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		625.963.313	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	625.963.313
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(18.569.354.061)	(27.410.775.821)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.640.141.288	1.933.078.820
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		1.640.141.288	1.933.078.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		591.972.736.372	485.396.065.105



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		686.884.584	686.884.584
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Thúy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Thị Bích Ngọc

GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Hà

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	02	6.1	418.851.602.155	213.990.132.641
2 Các khoản giảm trừ		6.2	2.233.487.690	10.289.415.586
3 Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	416.618.114.465	203.700.717.055
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	377.175.517.768	185.826.943.372
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.442.596.697	17.873.773.683
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	234.175.416	329.619.660
7 Chi phí tài chính	22	6.6	25.275.624.814	12.203.009.273
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.435.821.307	11.568.551.391
8 Chi phí bán hàng	24		3.159.731.283	109.667.123
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.626.129.121	9.069.220.081
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.615.286.895	(3.178.503.134)
11 Thu nhập khác	31		22.182.575.538	16.902.223.160
12	32		18.956.440.673	38.356.278.855
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.226.134.865	(21.454.055.695)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.841.421.760	(24.632.558.829)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8.841.421.760	(24.632.558.829)

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Thúy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc



Ngày 20 tháng 03 năm 2014

GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Hà

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
A	B	1	2	3	4= 1+ 2 - 3
Thuế	10	29.777.877	2.939.008.301	2.752.976.875	215.809.303
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	-	420.113.522	-	420.113.522
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	17	-	-	-	-
Tiền thuế đất	18	-	2.493.091.513	2.630.204.013	(137.112.500)
Các khoản thuế khác	19	29.777.877	25.803.266	122.772.862	(67.191.719)
<i>Thuế môn bài</i>		-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế TNCN</i>		29.777.877	22.803.266	119.772.862	(67.191.719)
<i>Thuế khác</i>		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí		-	-	-	-
Các khoản khác	33	-	-	-	-
<i>Thu điều tiết</i>		-	-	-	-
<i>Các khoản nộp phạt</i>		-	-	-	-
<i>Nộp khác</i>		-	-	-	-
Tổng cộng (40 = 10+ 30)	40	29.777.877	2.939.008.301	2.752.976.875	215.809.303

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Thúy

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Trịnh Thị Bích Ngọc



GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Hà

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: KCN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị: VND

Nội dung	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.841.421.760	(24.632.558.829)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.561.244.587	25.335.131.714
Các khoản dự phòng	03	(82.862.733)	2.494.196.157
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.534.814.399	(129.154.685)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70.285.931)	(187.277.138)
Chi phí lãi vay	06	16.435.821.307	11.568.551.391
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.220.153.389	14.448.888.610
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(76.508.889.126)	90.501.538.201
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(42.995.320.064)	2.966.380.136
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	57.052.526.805	68.752.989.138
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(226.165.727)	2.901.697.838
Tiền lãi vay đã trả	13	(12.119.341.462)	(11.198.488.091)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	43.500.000	69.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(300.703.621)	(903.565.711)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.834.239.806)	167.538.440.121
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(11.220.415.358)	(23.863.767.839)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	536.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.811.420	187.277.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.662.603.938)	(23.676.490.701)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	185.300.520.091	68.190.923.506
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(149.910.060.000)	(213.450.637.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	35.390.460.091	(145.259.713.755)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.141.486.122	2.539.250.457
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.035.102.469	1.141.486.122

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KÊ TOÁN TRƯỞNG




Lê Thị Thúy

Trịnh Thị Bích Ngọc



Lê Hữu Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, tiền thân là Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 426 - QĐ/UB ngày 11/3/1993 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Công ty được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) theo Quyết định số 06/2004/QĐ - BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 09/1/2004.

Theo Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam, Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam bắt đầu từ ngày 16/01/2004.

Theo Quyết định số 2464/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV.

Theo Quyết định số 3126/QĐ-BCT ngày 15/06/2010 của Bộ Công Thương, Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin. Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, đăng ký lần đầu số 5700479764 ngày 30/6/2010. Trong quá trình hoạt động Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/07/2012.

Theo đó, hoạt động chính của Công ty là:

- Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy;
- Tư vấn, thiết kế đóng mới, sửa chữa, cải hoán tàu thuyền và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Vận tải thủy;
- Xếp dỡ hàng hóa;
- Quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa;
- Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tàu biển;
- Cho thuê kho bãi, bến bãi, dịch vụ hàng hóa, ăn uống;
- Các ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép.

Những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện hoặc có giấy phép kinh doanh theo quy định.

Vốn điều lệ: 53.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Cái Lân, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 367 người. Trong đó số nhân viên quản lý là 43 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

Thay đổi Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Từ ngày 10/06/2013, Công ty áp dụng Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính thay cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 để ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định.

Việc thay đổi ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định để phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính như nêu trên được Ban Giám đốc Công ty đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ, công nợ phải thu - phải trả có gốc ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá 21.085 VND/USD (áp dụng thống nhất trong toàn Tập đoàn).

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---------------------|--|
| - Nguyên vật liệu: | Giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập |
| - Công cụ, dụng cụ: | Thực tế đích danh |
| - Sản phẩm dở dang: | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 (áp dụng đến hết ngày 09/06/2013) của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 (áp dụng kể từ ngày 10/06/2013) của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay và các chi phí còn phải trả khác đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trực tiếp quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm.

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 209.101.446	200.535.345
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 826.001.023	940.950.777
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>1.035.102.469</u>	<u>1.141.486.122</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2013 bao gồm:		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		209.101.446
Cộng		<u>209.101.446</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2013 bao gồm:		<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		817.328.156
Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam		8.672.867
Cộng		<u>826.001.023</u>

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Phải thu Bảo hiểm CBCNV	195.086.576	121.015.581
Phải thu tiền ăn công nghiệp	169.682.837	12.990.837
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.360.903
Quỹ lương tập đoàn	3.349.000.000	-
Phải thu khác	16.068.497	29.271.683
Cộng	<u>3.729.837.910</u>	<u>190.639.004</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2013</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2013</u> <u>(VND)</u>
Nguyên liệu, vật liệu	105.003.387.936	57.516.368.850
Công cụ, dụng cụ	545.874.529	218.463.853
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.747.714.031	23.542.502.425
Hàng hóa	10.892.815.943	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(229.110.564)</u>	<u>(311.973.297)</u>
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>123.960.681.875</u>	<u>80.965.361.811</u>
Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho Trong năm:		<u>VND</u>
Nguyên vật liệu		<u>82.862.733</u>
Cộng		<u>82.862.733</u>

5.4 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>31/12/2013</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2013</u> <u>(VND)</u>
Thuế Thu nhập cá nhân	67.191.719	-
Tiền thuê đất	<u>137.112.500</u>	-
Cộng	<u>204.304.219</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.5 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	217.720.010.901	95.117.150.667	38.409.826.926	231.071.913	-	351.478.060.407
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	719.537.512	-	-	-	-	719.537.512
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.625.840.657)	-	-	(1.625.840.657)
- Giảm khác	-	(984.202.671)	-	(154.112.497)	-	(1.138.315.168)
Số dư cuối năm	218.439.548.413	94.132.947.996	36.783.986.269	76.959.416		349.433.442.094
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	88.203.247.054	63.597.942.655	32.322.395.023	219.765.291	-	184.343.350.023
- Khấu hao trong năm	10.368.874.865	9.215.563.673	3.974.822.714	1.983.335	-	23.561.244.587
- Hao mòn trong năm	322.915.044	-	-	-	-	322.915.044
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.433.127.324)	-	-	(1.433.127.324)
- Giảm khác	-	(802.663.567)	-	(144.789.210)	-	(947.452.777)
Số dư cuối năm	98.895.036.963	72.010.842.761	34.864.090.413	76.959.416		205.846.929.553
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	129.516.763.847	31.519.208.012	6.087.431.903	11.306.622	-	167.134.710.384
Tại ngày cuối năm	119.544.511.450	22.122.105.235	1.919.895.856	-	-	143.586.512.541
- Thẻ chấp, cầm cố						
- Đã KH hết, đang sử dụng						29.933.389.768
- TSCĐ chờ thanh lý						16.752.688.662

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Tổng số chi phí XD CB dở dang	155.275.205.104	144.774.327.258
Đà tàu 15.000 DWT	72.142.533.328	67.697.323.953
Kè và bãi lắp ráp khu vực đà tàu	64.512.950.977	59.148.724.585
Hệ thống cung cấp điện giai đoạn 2	7.028.439.902	6.558.893.361
Phân xưởng máy	5.429.109.372	5.244.671.154
Cầu tàu 15.000 DWT	575.409.051	544.091.910
Các dự án khác	1.483.209.847	1.477.069.668
Tư vấn quản lý dự án	4.103.552.627	4.103.552.627

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vay ngắn hạn	66.019.535.059	16.592.897.522
Ngân hàng TMCP Công thương QN	66.019.535.059	16.592.897.522
Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	66.019.535.059	16.592.897.522

5.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Thuế Giá trị gia tăng	420.113.522	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	29.777.877
Cộng	420.113.522	29.777.877

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.9 Chi phí phải trả

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	5.476.690.091	676.769.947
Chi phí kiểm toán	30.976.000	31.779.000
Chi phí thiết kế công nghệ	-	1.172.181.818
Tiền thuê đất 2011	-	1.766.792.500
Tiền thuê đất 2012	-	1.766.792.500
Chi phí nhân công	-	-
Lãi phạt chậm thanh toán	7.499.073.432	-
Trích trước các khoản chi phí khác	<u>35.173.428</u>	<u>35.908.284</u>
Cộng	<u>13.039.912.951</u>	<u>5.450.224.049</u>

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	<u>4.013.877.426</u>	<u>4.151.749.326</u>
Cộng	<u>4.013.877.426</u>	<u>4.151.749.326</u>

(i) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	<u>31/12/2013</u> (VND)
Giá trị 3 tàu biển và vật tư thiết bị phụ tùng phải trả Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	508.012.400
Chi phí bảo hành cầu tàu phải trả công ty Cổ phần Đầu tư tài chính thương mại dịch vụ FICO	1.878.750.000
Chi phí thiết kế tàu 7000 DWT	1.527.195.247
Phải trả khác	<u>99.919.779</u>
Cộng	<u>4.013.877.426</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.10 Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	(VND)	(VND)
Vay dài hạn	224.945.086.954	238.981.264.400
Vay NH TMCP Công thương Quảng Ninh (i)	97.394.916.733	112.944.916.733
Vay Tập đoàn Công nghiệp Than -KSVN (ii)	127.550.170.221	126.036.347.667
Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả	42.732.766.640	50.605.173.780
Vay NH TMCP Công thương Quảng Ninh	-	12.750.000.000
Vay Tập đoàn Công nghiệp Than -KSVN	42.732.766.640	37.855.173.780
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>224.945.086.954</u>	<u>238.981.264.400</u>

(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm 01 hợp đồng số 01/2009/HĐTD ngày 08/05/2009 lãi suất thả nổi và có thời hạn 10 năm, tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013 là 97.394.916.733 đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay dài hạn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bao gồm:

Hợp đồng số 01 HĐ/TKV-CKĐT/TPVND 2/2009 ngày 17/06/2009 với lãi suất 10,4%/năm và có thời hạn 5 năm, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 9.331.842.254 đồng.

Hợp đồng vay số 01 TKV-CKĐT TVN/NIB/2005 ngày 09/08/2005 lãi suất thả nổi và có thời hạn 10 năm, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 4.328.463,75 USD, tương đương với 91.265.658.169 đồng.

Hợp đồng vay số 01 TKV-CKĐT TVN/NIB/2009 ngày 03/11/2009 lãi suất thả nổi và có thời hạn 10 năm, số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2013 là 1.278.286,45 USD, tương đương với 26.952.669.798 đồng.

5892
 NG
 MIEM
 M.TC
 IET
 NHÁ
 NỘ
 IN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.11 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	53.078.819.053	-	625.963.313	-	(2.778.216.992)	50.926.565.374
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	78.819.053	-	-	-	78.819.053
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(24.632.558.829)	(24.632.558.829)
Giảm khác	(78.819.053)	-	-	-	-	(78.819.053)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	53.000.000.000	78.819.053	625.963.313	-	(27.410.775.821)	26.294.006.545
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.841.421.760	8.841.421.760
Tăng khác	-	-	-	625.963.313	-	625.963.313
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(625.963.313)	-	-	(625.963.313)
Số dư cuối năm nay	53.000.000.000	78.819.053	-	625.963.313	(18.569.354.061)	35.135.428.305

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	53.000.000.000	53.000.000.000
Vốn khác	-	-
Cộng	<u>53.000.000.000</u>	<u>53.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	53.000.000.000	53.000.000.000
Nhận bàn giao từ Công ty Nhà nước	-	-
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	53.000.000.000	53.000.000.000

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2013</u> (VND)	<u>01/01/2013</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	625.963.313	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	625.963.313
Cộng	<u>625.963.313</u>	<u>625.963.313</u>

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được dùng để bù đắp các tổn thất do thiên tai dịch họa và rủi ro trong kinh doanh làm mất vốn của Công ty.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.851.602.155	213.990.132.641
Doanh thu cơ khí	410.798.432.983	211.817.888.494
Doanh thu bán vật tư	8.053.169.172	2.172.244.147

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	2.233.487.690	10.289.415.586
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	2.233.487.690	10.289.415.586

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ	416.618.114.465	203.700.717.055
Doanh thu thuần cơ khí	408.564.945.293	201.528.472.908
Doanh thu thuần bán vật tư	8.053.169.172	2.172.244.147

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Giá vốn cơ khí	370.178.274.646	183.404.363.130
Giá vốn vật tư cung cấp	6.997.243.122	2.110.606.945
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	311.973.297
Cộng	377.175.517.768	185.826.943.372

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 (VND)	Năm 2012 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.811.420	187.277.138
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	212.363.996	13.187.837
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	129.154.685
Cộng	234.175.416	329.619.660



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm 2013</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2012</u> <u>(VND)</u>
Lãi tiền vay	16.435.821.307	11.568.551.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	336.365.822	100.475.171
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.534.814.399	-
Chi phí tài chính khác	6.968.623.286	533.982.711
Cộng	<u>25.275.624.814</u>	<u>12.203.009.273</u>

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2013</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2012</u> <u>(VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- <i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	8.841.421.760	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</i>	-	-
- <i>Tổng thu nhập chịu thuế</i>	-	-
- <i>Chuyển lỗ năm trước</i>	(8.841.421.760)	-
- <i>Thu nhập tính thuế</i>	-	-
- <i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2013</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2012</u> <u>(VND)</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.206.204.320	151.612.224.178
Chi phí nhân công	24.456.463.655	19.785.950.926
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.561.244.587	25.330.720.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.073.127.116	11.519.799.248
Chi phí khác bằng tiền	29.634.430.218	41.348.272.590
Cộng	<u>424.931.469.896</u>	<u>249.596.967.248</u>

95-001
 CÔNG TY
 NHỮNG
 TOÁN
 TÀI CHÍNH
 NỘI
 H. T. P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 04 - Vinacomin: Báo cáo đầu tư dài hạn khác;
- Phụ biểu B01-TSCĐ-HN: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong năm;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Khoản lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 18.569.354.061 đồng, vốn chủ sở hữu và các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013 chỉ đủ tài trợ 87,51% tài sản dài hạn của Công ty. Đồng thời hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 15,10 lần. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 của Công ty đạt 8.841.421.760 đồng là do trong năm Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cấp bù lương với số tiền 18.349.000.000 đồng.

Công ty là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên Công ty tiếp tục sẽ nhận được sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - VINACOMIN**

Địa chỉ: Khu CN Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Thúy

KÊ TOÁN TRƯỞNG **GIÁM ĐỐC**



Trịnh Thị Bích Ngọc

Lê Hữu Hà

LAB99
CÔNG
CHÍNH
KIỂM T
C VIỆ
CHI NH
HÀ N
Y XUẤT

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

STT	Mô tả hàng	Đơn vị	Doanh thu			Giá vốn		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG				375.395.438.085			
1	Công ty TNHH Một thành viên Than Khe Châm				2.063.432.400			
2	Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải ITASCO				521.077.880			
3	Công ty TNHH Một thành viên Than Hòn Gai				106.143.633.000			
4	Công ty TNHH Một thành viên Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ				1.021.393.685			
5	Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải				1.045.359.078			
6	Công ty TNHH MTV 45 - Tổng công ty Đông bắc				37.558.723.000			
7	Công ty Cổ phần cơ khí ô tô Uông Bí				801.505.584			
8	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm				90.436.111.519			
9	Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn gai				67.167.780			
10	XN than Hoành Bồ - Công ty cổ phần than Uông Bí				8.047.820.000			
11	Công ty Xây dựng mỏ Hàm lò 2				10.452.055.000			
12	Công ty cổ phần than Núi Béo				199.190.000			
13	Công ty cổ phần than Dương Huy				890.000.000			
14	Công ty cổ phần than Mông Dương				212.160.000			
15	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả				17.175.959.622			
16	Công ty tư vấn và quản lý dự án				90.223.044.520			
17	Công ty tuyển than Hòn gai				1.870.388.892			
18	Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Quảng Ninh				1.802.733.434			
19	Công ty TNHH MTV 45				1.299.650.000			

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

STT	Đơn vị	Doanh thu			Giá vốn		Giá trị (VND)	
		Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Đơn giá		
A	B	C	1	2	3	4	5	6
20	Công ty TNHH MTV 35							2.211.616.500
21	Công ty TNHH MTV 790							354.690.000
22	Công ty TNHH MTV Than Hạ Long							83.232.000
23	Công ty cổ phần xây dựng hầm lò I-Vinacomin							498.673.265
24	Công ty cổ phần vận tải thủy -Vinacomin							385.843.414
25	Ban kế toán - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam							29.977.512

Người lập biểu



Lê Thị Thúy

Kế toán Trưởng



Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Lê Hữu Hà



BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

A	B	Các khoản công nợ						7
		131	331	335	336	3388	138	
		1	2	3	4	5	6	
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	84.154.866.750	145.601.755.977	12.368.705.938	14.304.700	508.012.400	3.349.000.000	-
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	3.666.639.319	-	-	-	-	-	-
2	Công ty tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	335.113.225	-	-	-	-	-	-
3	Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	-	1.468.142.557	-	-	-	-	-
4	Công ty tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	45.703.930.224	2.698.562.408	-	-	-	-	-
5	Ban KT- TK - TC (Tập đoàn)	102.658.825	-	4.869.632.506	14.304.700	508.012.400	3.349.000.000	-
6	Công ty CP cơ khí ô tô Uông Bí	-	1.788.140.431	-	-	-	-	-
7	Tổng Công ty Đông Bắc	4.105.581.400	-	-	-	-	-	-
8	Công ty TNHH MTV 45	829.615.000	-	-	-	-	-	-
9	Công ty TNHH MTV 790	390.159.000	-	-	-	-	-	-
10	Công ty TNHH MTV 35	2.432.778.150	-	-	-	-	-	-
11	Công ty CP đóng tàu Sông Ninh - TKV	-	-	-	-	-	-	-
12	Công ty TNHH MTV Môi Trường - Vinacomin	-	9.244.664.056	-	-	-	-	-
13	Công ty TNHH MTV Than Quang Hanh	-	15.419.823	-	-	-	-	-
14	Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - Vinacomin	15.177.389.600	-	-	-	-	-	-
15	Xí nghiệp vật tư Cẩm Phả	-	11.009.229.643	-	-	-	-	-
16	Công ty TNHH MTV VT và vận tải ITASCO	-	301.902.906	-	-	-	-	-
17	Công ty TNHH ITV Hoa tiêu Hàng hải	-	11.005.335	-	-	-	-	-
18	Công ty CP Thiết bị điện - Vinacomin	-	1.244.137.663	-	-	-	-	-
19	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	7.242.577.498	-	-	-	-	-	-
20	Công ty CP XNK Than - Vinacomin	-	117.045.234.683	5.805.416.525	-	-	-	-
21	Công ty CP Vận tải thủy - Vinacomin	716.759.578	-	-	-	-	-	-

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

A	B	Các khoản cộng nợ						341
		131	331	335	336	3388	138	
		1	2	3	4	5	6	7
22	Công ty Than Khe cắm - Vinacomin	393.120.640	-	-	-	-	-	-
23	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc	-	578.109.641	-	-	-	-	-
24	Công ty xây dựng mỏ - Hàm lò 1	548.540.592	-	-	-	-	-	-
25	Công ty xây dựng mỏ - Hàm lò 2	1.269.928.500	-	-	-	-	-	-
26	Công ty Cổ phần cơ khí Hòn gai	140.949.600	-	-	-	-	-	-
27	Công ty CP Than Mông dương - Vinacomin	111.302.100	-	-	-	-	-	-
28	Công ty CP tin học công nghệ Môi Trường - Vinac	-	88.164.831	-	-	-	-	-
29	Công ty CP Đầu tư TM & DV - Vinacomin	-	-	1.693.656.907	-	-	-	-
30	Trung tâm Y tế Lao động - Vinacomin	-	26.220.000	-	-	-	-	-
31	Viện CK năng lượng và mỏ - VINACOMIN	-	82.822.000	-	-	-	-	-
18	Công ty Cổ phần đại lý hàng hải - Vinacomin	987.823.199	-	-	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-	127.550.170.221
1	Ban KT- TK - TC (Tập đoàn)	-	-	-	-	-	-	127.550.170.221
CỘNG		84.154.866.750	145.601.755.977	12.368.705.938	14.304.700	508.012.400	3.349.000.000	127.550.170.221

Người lập biểu

Lê Thị Thúy

Lê Thị Thúy

Kế toán Trưởng

Trịnh Thị Bích Ngọc

Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 20 tháng 03 năm 2014



Lê Hữu Hà

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

STT	Số lượng	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm	Thời gian	Thời gian	Sử dụng TS	Hóa đơn		
						tăng TSCĐ để trích KH (ngày/tháng/năm)	trích khấu hao TS (Đơn vị: Năm)	KH còn lại tính đến cuối kỳ BC (Đơn vị: Năm)	cho mục đích (SXKD, quản lý, bán hàng)	Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XDCB mua của đơn vị trong nội bộ tập đoàn đã tăng tài sản để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo												
TỔNG CỘNG			29.977.512	1.967.467.740	327.326.452	1.640.141.288						
1	Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin		29.977.512	1.967.467.740	327.326.452	1.640.141.288						
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>		29.977.512	1.967.467.740	327.326.452	1.640.141.288						
	Hệ thống xử lý nước thải và sản xuất	1	29.977.512	1.967.467.740	327.326.452	1.640.141.288	27/12/2012	6	5,5	SXKD	0062388	01/04/2013

Người lập biểu



Lê Thị Thúy

Kế toán Trưởng



Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Lê Hữu Hà

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN BÁN TRỰC TIẾP CHO CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỂ HÌNH THÀNH TSCĐ
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị: VND

STT	Tên tài sản	Số lượng	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá bán (Chưa VAT)	Chênh lệch giá bán và giá trị còn lại TSCĐ	Khấu hao vào chi phí 1 năm (gồm nhất)	Tổng số khấu hao của TSCĐ đang SD	Số năm khấu hao tính đến thời điểm bán	Hợp đồng	Ngày tháng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG		-			88.652.702.750						
	Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin		-			88.652.702.750						
	Tàu Vinacomin 05	01	-			5.788.731.100					0108046 0108252	30/06/2013 14/11/2013
	Tàu Đại Hồng Phú	01	-			13.909.868.009					0108048 0108352	30/06/2013 28/12/2013
	Tàu An Bình	01	-			14.208.889.861					0108047 0108299	30/06/2013 30/11/2013
	Tàu hàng 8800T - S9	01	-			54.745.213.780					0108049 0108188 0108353	30/06/2013 30/09/2013 28/12/2013

Người lập biểu

Lê Thị Thúy

Lê Thị Thúy

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số: 1653-01
 Ngày: 16-03-2015

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Bích Ngọc

Trịnh Thị Bích Ngọc

Ngày 20 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Lê Hữu Hà



Hoàng Ngọc Sơn

